**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG**

Ngày 12/6/2017, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, đã thông qua Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14. Chủ tịch nước ký lệnh số 02/2017/L-CTN ngày 22 tháng 6 năm 2017 công bố Luật Quản lý ngoại thương. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

 **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ ÁN LUẬT**

Trong suốt quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) từ năm 1995, Việt Nam đã liên tục cải thiện chính sách, công cụ pháp luật để thực hiện quản lý ngoại thương phù hợp với điều kiện hội nhập. Sau khi gia nhập WTO, chúng ta vẫn đang nỗ lực hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại, đặc biệt là thương mại quốc tế để tận dụng tối đa cơ hội hội nhập đồng thời hạn chế những bất lợi về vị thế và năng lực cạnh tranh.

Hoạt động ngoại thương trong thời gian qua diễn ra sôi động và có đóng góp nhất định cho quá trình phát triển kinh tế của đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Công tác quản lý nhà nước về ngoại thương đã chặt chẽ, thông suốt, minh bạch và hiệu quả hơn, song chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực này còn một số điểm chưa hoàn chỉnh, cần tiếp tục hoàn thiện, cụ thể là:

*Thứ nhất*, Luật Thương mại 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan chưa thể hiện rõ yêu cầu hội nhập, công tác quản lý nhà nước về ngoại thương chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

Do đó, bên cạnh việc đẩy mạnh tự do hóa thương mại, quản lý nhà nước về ngoại thương phải bảo đảm hiệu quả, chặt chẽ, công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp hợp lý, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Thứ hai*, những bất cập của hệ thống pháp luật ngoại thương hiện hành và những yêu cầu về hoàn thiện pháp luật về ngoại thương bao gồm:

*(i) Sự trùng lắp, chồng chéo*: Có quá nhiều các văn bản quy phạm pháp luật cùng quy định quản lý nhà nước về hoạt động ngoại thương dẫn đến tản mát, thiếu sự đồng bộ, thống nhất về cùng một biện pháp; một số văn bản có quy định về cùng một vấn đề nhưng khác nhau về nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, biện pháp xử lý.

Do vậy, cần quy định thống nhất hoạt động quản lý nhà nước về ngoại thương theo hệ thống các biện pháp quản lý, nguyên tắc, thẩm quyền áp dụng trong đó bao gồm việc pháp điển hóa các quy định hiện đang được quy định ở cấp Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng nhưng xét thấy cần thiết phải quy định rõ các nguyên tắc, thẩm quyền trong Luật.

 *(ii) Sự minh bạch chưa cao*: Việc có quá nhiều văn bản cùng quy định hoạt động ngoại thương dẫn đến sự thiếu minh bạch, rủi ro cho tổ chức, cá nhân trong áp dụng chính sách quản lý hàng hóa (ví dụ như không có danh mục hàng hóa cấm thống nhất mà mỗi luật và các văn bản hướng dẫn có quy định về cấm..). Bên cạnh đó, nhiều biện pháp quản lý ngoại thương được quy định ở hình thức văn bản dưới luật thiếu minh bạch, hạn chế, cản trở quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân theo tinh thần Hiến định.

*(iii) Tính ổn định, dự báo còn thấp:* Luật Thương mại 2005 được xây dựng và ban hành trong bối cảnh đất nước ta đang đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), quy định quản lý nhà nước về ngoại thương có tính chất khung, chủ yếu được quy định ở Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ về một số biện pháp quản lý nhà nước cụ thể đối với hoạt động ngoại thương (việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, các biện pháp chỉ định cửa khẩu, thương nhân, các biện pháp hỗ trợ hoạt động ngoại thương, giải quyết tranh chấp trong ngoại thương ...). Việc không có quy định cụ thể các biện pháp quản lý ngoại thương tại Luật dẫn đến tính ổn định, tính dự báo của các biện pháp này chưa cao.

Do đó, Luật cần phải quy định rõ ràng hệ thống, nguyên tắc, thẩm quyền áp dụng các biện pháp quản lý nhà nước về ngoại thương, các quyền, nghĩa vụ mà thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phải thực hiện với Nhà nước cũng như hiện thực hóa tinh thần “***cơ quan Nhà nước chỉ được thực hiện những gì pháp luật cho phép***”.

Ngoài ra, còn một số các quy định quản lý nhà nước về hoạt động ngoại thương đang hiện hữu trong các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật nhưng đã đủ điều kiện để luật hóa theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như 03 Pháp lệnh liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại, hoạt động thương mại biên giới, quyền hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam...

*Thứ ba*, sau khi Luật Thương mại 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành được ban hành, Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO cùng nhiều các hiệp định thương mại tự do khác (như Liên minh kinh tế Á Âu, Cộng đồng kinh tế ASEAN, EVFTA, TPP…). Do đó, Luật phải được hoàn thiện để phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thúc đẩy quá trình hội nhập sâu rộng hơn nữa vào nền kinh tế thế giới.

*Thứ tư*, cơ chế quản lý ngoại thương hiện hành đang tạo ra những rào cản về thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp. Do vậy, Luật cần được xây dựng trên nguyên tắc và theo quan điểm chỉ đạo là cải cách thủ tục hành chính, duy trì môi trường kinh doanh thuận lợi theo hướng hệ thống hóa, hài hòa hóa các thủ tục hành chính có liên quan.

*Cuối cùng*, các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động ngoại thương cần những cơ sở pháp lý ở mức cao nhằm thể hiện quan điểm hỗ trợ ngoại thương của Nhà nước nhằm tận dụng tối đa các ưu thế, ưu đãi trong các khuôn khổ thương mại song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, việc xây dựng một đạo luật về quản lý ngoại thương có tính định hướng rõ ràng, phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước, ổn định, minh bạch, thống nhất, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết. Đồng thời, đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước về ngoại thương thuận lợi, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

**II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CỦA LUẬT**

**2.1. Quan điểm chỉ đạo việc xây dựng Luật Quản lý ngoại thương**

***2.2.1. Quan điểm chỉ đạo, định hướng của Đảng về chính sách ngoại thương kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay***

 Kể từ nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI, quan điểm, định hướng của Đảng đã thể hiện rõ “*xuất khẩu là mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với nhiều mục tiêu kinh tế trong 5 năm này (1986-1990), đồng thời cũng là khâu chủ yếu của toàn bộ các quan hệ kinh tế đối ngoại”[[1]](#footnote-1).*

Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991-1995), sau khi tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng VI - Đại hội của Đổi Mới, quan điểm của Đảng về phát triển ngoại thương trong 10 năm tiếp theo (1991-2000) được Đại hội thông qua tiếp tục là “*Phát huy lợi thế tương đối, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sản xuất và đời sống, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả*”.

 Đại hội đại biểu lần thứ IX đã khẳng định phương hướng phát triển của ngành ngoại thương trong 10 năm tiếp theo (2001-2010) “*Tạo một số thị trường và bàn hàng lâu dài về những mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ yếu, giảm xuất, nhập qua thị trường trung gian. Thực hiện nhất quán các chính sách khuyến khích xuất khẩu, bao gồm cả việc bảo hiểm về giá cho hàng xuất khẩu, điều tiết tỉ giá hối đoái hợp lý, có lợi cho xuất khẩu” và “Tận dụng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động và khẩn trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và quản lý, phát huy lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thế giới. Đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, kiềm chế và thu hẹp dần nhập siêu…*”

 Luật Thương mại năm 1997 và Luật Thương mại năm 2005 dựa trên nền tảng tư tưởng của Cương lĩnh 1991 và nền tảng pháp lý của Hiến pháp 1992. Đến nay, Cương lĩnh đã bổ sung, phát triển năm 2001 và Hiến pháp đã được thay thế bằng Hiến pháp 2013.

 Cho đến Đại hội đại biểu lần thứ XI của Đảng, các Văn kiện của Đảng đã xác lập hai định hướng lớn như sau:

 **Một là**, *phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng tiếp tục đẩy mạnh tự do hóa thương mại và đầu tư[[2]](#footnote-2)*

**Hai là,** *tăng nhanh xuất khẩu, giảm nhập siêu cả quy mô và tỉ trọng, phấn đấu cân bằng xuất nhập khẩu[[3]](#footnote-3)*

 Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 của Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng cũng xác định: “*Khai thác tốt các cam kết quốc tế, mở rộng và đa dạng hóa thị trường ngoài nước, để không phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững. Tăng cường xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam, nhất là các mặt hàng có lợi thế. Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiện định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu; đồng thời có biện pháp phòng về thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng. Phấn đấu đạt tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân khoảng 10%/năm”.*

Như vậy, việc xây dựng Luật Quản lý ngoại thương là cần thiết nhằm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng đối với chính sách ngoại thương.

***2.1.2. Chính sách ngoại thương của Chính phủ thời kỳ 2011-2020***

 Thực hiện đường lối xuyên suốt của Đảng trong quản lý, điều hành chính sách ngoại thương, Chính phủ đã phê duyệt 02 Chiến lược tổng thể liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như bảo hộ sản xuất công nghiệp trong nước. Theo đó, các quan điểm chính sách chủ yếu của các Chiến lược này bao gồm:

 ***a) Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020 định hướng 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2012:***

 - Phát triển sản xuất để tăng nhanh xuất khẩu, đồng thời đáp ứng nhu cầu trong nước; khai thác tốt lợi thế so sánh của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh xuất nhập khẩu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm và tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

 - Xây dựng, củng cố các đối tác hợp tác chiến lược để phát triển thị trường bền vững; kết hợp hài hòa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của quốc gia, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị - đối ngoại, chủ động và độc lập tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.

 - Đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu. Tích cục và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; chú trọng xây dựng và phát triển hàng hóa có giá trị tăng cao, có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

 ***b) Chiến lược tổng thế và bảo hộ sản xuất công nghiệp trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế, quy định của WTO giai đoạn đến 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 04/12/2008***

 - Các biện pháp bảo hộ sản xuất phải hợp lý, có điều kiện và có lộ trình cắt giảm phù hợp với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các cam kết khách của Việt Nam.

 - Các biện pháp bảo hộ của Nhà nước phải hướng tới thúc đẩy và tạo lập lợi thế cạnh tranh cho các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn nói riêng và cho ngành công nghiệp Việt Nam nói chung trên thị trường trong nước và quốc tế.

 - Các biện pháp bảo hộ phải được thực hiện thống nhất, bình đẳng đối với mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

 - Gắn bảo hộ sản xuất trong nước với việc tiếp tục điều chỉnh chức năng quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

 Như vậy, việc xây dựng và ban hành Luật Quản lý ngoại thương là phù hợp với quan điểm, định hướng và các giải pháp chính sách lớn của Chính phủ trong quản lý, điều hành hoạt động ngoại thương trong tình hình mới nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.

 **2.2. Định hướng cơ bản xây dựng Luật Quản lý ngoại thương**

***2.2.1. Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý, phát triển hoạt động ngoại thương***

 Luật Thương mại và nhiều đạo luật có liên quan đến hoạt động quản lý ngoại thương cùng hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành đã phản ánh được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn vừa qua đối với hoạt động ngoại thương. Theo đó, hệ thống pháp luật về ngoại thương về cơ bản đã phục vụ tốt công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời gian qua, đồng thời góp phần thực hiện chủ trưởng của Đảng về đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, hạn chế nhập siêu. Do đó, Luật Quản lý ngoại thương trước tiên phải được xây dựng trên nền tảng chính sách ngoại thương tương đối ổn định của chúng ta trong thời gian qua, đồng thời phải phản ánh được những thay đổi trong chủ trương, chính sách ngoại thương của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ mới.

 **2.2.2. Phải là đạo luật chủ đạo điều chỉnh hoạt động quản lý ngoại thương thông qua việc đảm bảo quy định bao quát tất cả biện pháp quản lý ngoại thương; quy định cơ chế mở cho việc sử dụng, ban hành các biện pháp quản lý ngoại thương mới trong thương lai để đảm bảo tính linh hoạt trong việc xây dựng chiến lược ngoại thương và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này**

 Với mong muốn khắc phục tình trạng tản mát, thiếu thống nhất hiện nay của hệ thống pháp luật ngoại thương, Luật Quản lý ngoại thương phải được xây dựng với định hướng trẻ thành một đạo luật chủ đạo trong quản lý điều hành hoạt động ngoại thương. Các biện pháp quản lý ngoại thương hiện hành phải được thể hiện trong Dự án Luật, các biện pháp quản lý ngoại thương mới cũng cần được tính đến và được quy định hợp lý. Ngoài ra, tính biến động nhanh chóng của hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trên thị trường đặt ra yêu cầu về tính linh hoạt trong công tác quản lý ngoại thương, điều này đồng nghĩa Luật Quản lý ngoại thương phải có các quy định mang tính chất mở làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành các biện pháp, chính sách quản lý ngoại thương trong từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, Luật Quản lý ngoại thương phải thiết kế các quy định nhằm tạo hành lang pháp lý cho Chính phủ, các Bộ ngành liên quan ban hành các quy phạm pháp luật liên quan đến các biện pháp quản lý ngoại thương mới tránh tình trạng thiếu cơ sở pháp lý cho việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật của Chính phủ và các bộ, ngành trong thời gian qua.

 ***2.2.3. Hoàn thiện, nâng cao hiệu lực pháp lý về các biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi có hiệu quả các biện pháp này***

 Các biện pháp phòng vệ thương mại là công cụ hữu hiệu và hợp pháp mà Việt Nam có thể sử dụng để vừa bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh của hàng hóa nhập khẩu trong thị trường nội địa, hạn chế nhập siêu, đồng thời bảo vệ nền sản xuất non trẻ trong nước cũng như lợi ích người tiêu dùng. Do đó, việc hoàn thiện, nâng cao hiệu lực pháp lý và thực thi hiệu quả các biện pháp này là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng đã đề ra tại văn kiện Đại hội lần thứ XII.

 ***2.2.4. Hoàn thiện, bổ sung các quy định liên quan đến biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương để nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập***

 Sức cạnh tranh của hàng hóa không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của hàng hóa đó mà còn chịu tác động rất lớn từ mức độ hiệu quả của các chính sách, biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương mà Nhà nước và doanh nghiệp áp dụng. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu, thông tin về thị trường, nguồn hàng, xuất xứ, hệ thống chính sách, pháp luật,… liên quan đến sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là vô cùng quan trọng, quyết định đến lợi thế cạnh tranh của các loại hàng hóa. Có thể nói, các biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương mặc dù hiện nay đang được nhiều cơ quan, tổ chức chính phủ, phi chính phủ thực hiện nhưng tính pháp lý, tính hệ thống và tính liên kết chưa cao, do đó chưa trở thành một biện pháp đủ mạnh để thúc đẩy ngoại thương phát triển. Luật Quản lý ngoại thương sau khi được ban hành phải giải quyết được yêu cầu này.

 ***2.2.5. Hệ thống hóa, pháp điển hóa đến mức có thể các quy định pháp luật về quản lý hoạt động ngoại thương hiện hành, nội luật hóa các điều ước quốc tế trong chừng mực nhất định***

 Với tư cách là một đạo luật chủ đạo quy định về các biện pháp quản lý ngoại thương, Luật Quản lý ngoại thương cần phải: (1) hệ thống hóa được các quy định chủ yếu về quản lý hoạt động ngoại thương hiện đang tồn tại ở các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau; (2) thực hiện công tác pháp điển hóa - có chính sửa, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành đảm bảo phù hợp hơn và (3) nội luật hóa đến mức có thể các điều ước quốc tế trong lĩnh vực kinh tế mà Việt Nam là thành viên. Với định hướng soạn thảo này, Luật Quản lý ngoại thương khi ra đời sẽ là văn bản pháp lý điều chỉnh bao trùm lĩnh vực quản lý hoạt động ngoại thương, tạo tiền đề cho việc xây dựng một hệ thống pháp luật ngoại thương thống nhất, hiệu lực thực thi cao.

**III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**3.1. Bố cục**

Luật Quản lý ngoại thương bao gồm 8 Chương, 113 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I - Những quy định chung.

- Chương II - Các biện pháp hành chính.

- Chương III - Các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch.

- Chương IV - Các biện pháp phòng vệ thương mại.

- Chương V - Kiểm soát khẩn cấp trong hoạt động ngoại thương.

- Chương VI - Các biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương.

- Chương VII - Giải quyết tranh chấp về ngoại thương.

- Chương VIII - Điều khoản thi hành.

**3.2. Những nội dung cơ bản của Luật**

**3.2.1. Chương I - Những quy định chung**

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, áp dụng Luật, nguyên tắc quản lý nhà nước về ngoại thương, quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và trách nhiệm quản lý nhà nước về ngoại thương. Trong đó, các nội dung có sự thay đổi căn bản đối với quy định của pháp luật hiện hành như sau:

a) ***Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng***

Luật điều chỉnh chủ yếu:

+ Công tác quản lý nhà nước về ngoại thương bao gồm: các biện pháp quản lý, điều hành hoạt động ngoại thương (các biện pháp hành chính, các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch, khẩn cấp, phòng vệ thương mại, phát triển hoạt động ngoại thương…) có liên quan đến mua bán hàng hóa quốc tế;

+ Không điều chỉnh các hoạt động cụ thể của thương nhân, giữa các thương nhân với nhau;

+ Chỉ điều chỉnh đối tượng là hàng hóa, không điều chỉnh đối tượng  dịch vụ.

Đối với xuất nhập khẩu dịch vụ, hiện nay theo quy định tại Quyết định số 28/2012/QĐ-TTg ngày 17 tháng 05 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ thì 12 nhóm ngành dịch vụ xuất, nhập khẩu đã được quy định cụ thể như du lịch, vận tải, bưu chính và viễn thông, xây dựng, bảo hiểm, tài chính, máy tính và thông tin… Theo đó, các lĩnh vực dịch vụ này được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật chuyên ngành (ví dụ như Luật Viễn thông, Luật Xây dựng, Luật Du lịch, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán…).

Mặc dù không điều chỉnh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ nhưng Luật Quản lý ngoại thương đã quy định một số biện pháp mang tính chất hỗ trợ phát triển hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thông qua **hỗ trợ phát triển các** **dịch vụ liên quan trực tiếp đến xuất nhập khẩu hàng hóa**. Ví dụ như Điều 54 về chính sách quản lý phát triển hoạt động hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, trong đó Nhà nước sẽ có chính sách khuyến khích các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho thương mại biên giới như các dịch vụ liên quan đến thủ tục hành chính, hậu cần (logistic), thanh toán và hỗ trợ thanh toán… Ngoài ra, các quy định tại Chương VI cũng là những biện pháp hướng tới việc thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa như xây dựng thương hiệu, dịch vụ hội chợ, triển lãm, dịch vụ hỗ trợ thông tin, tiếp cận thị trường xuất nhập khẩu…

Do đó, Luật được xây dựng theo định hướng là một đạo luật điều chỉnh, quản lý hoạt động “*ngoại thương hàng hóa*”, không điều chỉnh đối với “*ngoại thương dịch vụ*”.

+ Đối tượng áp dụng chính là cơ quan quản lý nhà nước về ngoại thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

***b) Về nguyên tắc quản lý nhà nước về ngoại thương***

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước cũng như để phù hợp với xu thế hội nhập sâu rộng của nền kinh tế vào nền kinh tế khu vực và thế giới, Luật đã quy định các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo hoạt động ngoại thương tuân thủ các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

+ Góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, phát triển xuất khẩu;

+ Đảm bảo minh bạch, công khai, bình đẳng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, thương nhân thuộc các thành phần kinh tế;

+ Đảm bảo thực hiện đầy đủ các nguyên tắc đối xử tối huệ quốc, đối xử quốc gia trong hoạt động ngoại thương theo các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

+ Nhà nước chỉ thực hiện hoạt động quản lý ngoại thương theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

+ Góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh.

***c) Về quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu***

Trong bối cảnh, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Luật đã khẳng định quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân chỉ bị hạn chế nếu thuộc các trường hợp mà Luật này cấm hoặc tạm ngừng. Riêng đối với đối tượng là thương nhân là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, Luật quy định quyền, nghĩa vụ của các đối tượng này theo đúng các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc quy định quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu tại Luật là phù hợp với tinh thần Hiến pháp, phù hợp với tinh thần tiến bộ của Luật Đầu tư và Điều 7 Luật Doanh nghiệp.

***d) Trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương***

Luật quy định các nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương theo đó giao nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho Bộ Công Thương, các bộ, chính quyền địa phương phù hợp với các biện pháp quản lý quy định trong Luật này và theo nguyên tắc " *một biện pháp do một cơ quan đầu mối phụ trách*".

**3.3.2. Chương II - Các biện pháp hành chính**

Luật quy định rõ các biện pháp áp dụng trong quản lý ngoại thương hàng hóa của Việt Nam.

Với các chính sách, biện pháp quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu được đặt ra tại Quyết định 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1233/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án quản lý nhập khẩu đến năm 2020 phù hợp với cam kết quốc tế, các biện pháp quy định tại Chương này là sự đảm bảo hài hòa, lồng ghép giữa hai nguyên tắc *cơ quan nhà nước chỉ được làm pháp luật cho phép* và *thương nhân được kinh doanh tất cả những gì pháp luật không cấm*.

Theo đó, các biện pháp mang tính hạn chế quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu được quy định nhằm đảm bảo lợi ích công cộng, an ninh quốc phòng, hoặc phù hợp cam kết quốc tế...phải thực hiện theo những nguyên tắc xác định trong Luật và chỉ được áp dụng đối với danh mục hàng hóa cụ thể. Những hàng hóa ngoài các danh mục này được tự do xuất khẩu, nhập khẩu.

Cụ thể các biện pháp như sau:

a) Biện pháp cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu

Đối với biện pháp cấm, Luật quy định nguyên tắc xác định Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, theo đó việc cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hàng hóa chỉ áp dụng đối với các trường hợp liên quan đến hàng hóa an ninh, quốc phòng chưa được phép, ảnh hưởng thuần phong mỹ tục, môi trường, sức khỏe cộng đồng... Trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí này Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục. Quy định của Luật vẫn đảm bảo quyền tự do kinh doanh theo tinh thần của Hiến pháp do các nguyên tắc quy định tại Điều 9 đã phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 và Điều 33[[4]](#footnote-4) Hiến pháp, đồng thời đáp ứng yêu cầu về tính linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ nhằm thực hiện các mục tiêu công cộng chính đáng. Sự lạm dụng, tùy tiện trong xây dựng Danh mục này là gần như *không thể xảy ra* do tất cả các đối tác thương mại của Việt Nam trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) đều theo dõi rất sát sao để bảo đảm Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam là phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí của điều ước quốc tế.

Ngoài ra, Luật cũng quy định rõ một số trường hợp ngoại lệ cho phép Thủ tướng Chính phủ quyết định việc xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất nhập khẩu vì mục đích phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh; xuất nhập khẩu đối với các khu hải quan riêng.

Bên cạnh đó, Luật cũng đã dự kiến việc đảm bảo sự linh hoạt trong điều hành khi có quy định về việc tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu có thời hạn. Do có tính thời điểm rất cao nên việc áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu phải được quyết định theo một quy trình nhanh nhằm kịp thời bảo vệ lợi ích công cộng. Mặc dù vậy, rủi ro tùy tiện khi áp dụng biện pháp này cũng rất nhỏ bởi vẫn phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 9 của Luật và phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, chưa nói tới việc phải chịu sự giám sát gắt gao của tất cả các bên tham gia điều ước quốc tế đó. Do đó, thẩm quyền quyết định hàng hóa thuộc diện tạm ngừng có thời hạn được giao cho Bộ trưởng Bộ Công Thương.

***b) Biện pháp hạn chế xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu***

Luật quy định chi tiết các biện pháp hạn chế bao gồm hạn chế về số lượng, thương nhân và cửa khẩu với nguyên tắc xác định loại hàng hóa, biện pháp này bao gồm thực hiện chế độ hạn ngạch, hạn ngạch thuế quan, cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu, chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

+ Biện pháp hạn ngạch thuế quan: Đây là biện pháp Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO theo đó có 04 mặt hàng sẽ được Việt Nam duy trì cơ chế hạn ngạch thuế quan bao gồm trứng gia cầm, muối, đường, lá thuốc lá. Ngoài ra, Việt Nam còn áp dụng trong trường hợp có ưu đãi đặc biệt đối với một số đối tác thương mại đặc biệt như Lào, Campuchia hoặc theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Biện pháp hạn ngạch: chỉ áp dụng hạn ngạch nhập khẩu trong các trường hợp (i) áp dụng biện pháp hạn chế xuất khẩu tự nguyện (VERs); (ii) áp đặt nhưng phải tham vấn về đền bù với đối tác bị thiệt hại; (iii) theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Chỉ định thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu: Đây là biện pháp Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO theo đó biện pháp này chỉ áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp thương mại nhà nước đối với một số mặt hàng như thuốc lá điếu, xuất bản phẩm...được cam kết tại Bảng 5 Đoạn 72 Báo cáo Ban Công tác gia nhập WTO của Việt Nam.

+ Biện pháp quản lý cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu: Đây là biện pháp khi được áp dụng với mục đích rõ ràng về chống gian lận thương mại, đáp ứng năng lực kỹ thuật kiểm tra, giám sát, không phân biệt đối xử là phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

***c) Biện pháp quản lý theo giấy phép, điều kiện***

Luật phân biệt rõ giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu (bao gồm giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tự động và không tự động và giấy phép khác do cơ quan có thẩm quyền cấp) mà doanh nghiệp phải có khi làm thủ tục thông quan hàng hóa với các điều kiện (không phải là giấy phép) mà doanh nghiệp chỉ cần đáp ứng để thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu.

Theo đó, hàng hóa phải thực hiện quản lý xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép là các loại hàng hóa phải đáp ứng một số các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng và các loại giấy tờ, hồ sơ khác, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận, cho phép bằng văn bản việc đáp ứng đủ điều kiện nhập khẩu, xuất khẩu. Bên cạnh đó, hoạt động quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo điều kiện khi việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đó có liên quan đến lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Các loại giấy phép và điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu nói trên sẽ được Chính phủ quy định công khai, minh bạch để cộng đồng doanh nghiệp dễ dàng theo dõi, thực hiện, giám sát. Trên cơ sở các nguyên tắc này, Điều 31 Luật quy định giao Chính phủ quy định rõ Danh mục giấy phép, điều kiện gắn với hàng hóa, phương thức điều hành (cấp phép, không cần giấy phép…) và các văn bản pháp luật có liên quan quy định các giấy phép, điều kiện đó.

Hơn nữa, các loại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu nói trên phải tuân thủ các trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

***d) Biện pháp chứng nhận xuất xứ hàng hóa, lưu hành tự do***

Luật quy định về giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa; giấy chứng nhận lưu hành tự do theo hướng đây không phải là những biện pháp bắt buộc với thương nhân hoạt động xuất nhập khẩu nói chung mà thực hiện theo yêu cầu của thương nhân để được hưởng ưu đãi thuế hoặc theo yêu cầu của nước xuất khẩu, nhập khẩu.

 Cùng với đó, Luật cùng quy định về việc doanh nghiệp được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo các Hiệp định thương mại tự do mới được ký kết như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA).

***đ) Biện pháp quản lý hoạt động ngoại thương khác***

Luật quy định các biện pháp quản lý hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; chuyển khẩu; quá cảnh; đại lý mua bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài; ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu; gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài.

Theo đó, Luật đang quy định rõ các trường hợp cấm kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm nhập tái xuất có điều kiện cũng như các trường hợp phải cần cho phép của cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện hoạt động này. Nội dung này đã pháp điển hóa các quy định đã đi vào cuộc sống từ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 2006 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài đến Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài (thay thế Nghị định số 12/2006/NĐ-CP) cũng như luật hóa một số nguyên tắc, biện pháp tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 7 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan.

***e) Quản lý hoạt động ngoại thương với các nước có chung biên giới***

Nội dung quản lý bao gồm quy định khung khổ pháp lý chung về đối tượng, hoạt động, địa điểm, phương thức và chính sách ưu đãi, đặc thù của hoạt động thương mại biên giới và nguyên tắc phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong hoạt động thương mại biên giới. Bên cạnh đó, Luật còn quy định về quản lý hoạt động thương mại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền; cơ chế điều hành, phối hợp của các lực lượng tại cửa khẩu cũng như chính sách quản lý, phát triển các hoạt động hỗ trợ thương mại tại cửa khẩu để tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải qua các cửa khẩu biên giới đất liền và phát triển du lịch.

Các quy định này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để hoàn thiện chính sách, pháp luật về thương mại biên giới đã được thực hiện tương đối ổn định từ năm 2006 đến nay, theo đề nghị của nhiều Bộ, ngành, cơ quan, hiệp hội, doanh nghiệp và nguyện vọng của chính quyền, nhân dân 24 tỉnh có chung đường biên giới các với nước Trung quốc, Lào, Campuchia cũng như nhằm thực hiện các Điều ước quốc tế về thương mại biên giới mà Việt Nam đã ký kết với các nước này.

***g) Quản lý hàng hóa đối với khu vực hải quan riêng***

Nội dung quản lý bao gồm việc phân định rõ quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu giữa nội địa với các khu vực hải quan riêng, giữa các khu vực hải quan riêng với nhau cũng như giữa khu vực hải quan riêng với bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là trong cải cách thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thúc đẩy giao lưu thương mại, đầu tư.

“*Khu hải quan riêng*” đã được quy định tại Điều 28 Luật Thương mại 2005. Theo đó, “khu hải quan riêng” là khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Trong thực tế, chức năng, thẩm quyền thành lập, tên gọi của các khu vực này rất đa dạng. Cụ thể, đối với các Đặc khu kinh tế, thẩm quyền thành lập, chức năng, tên gọi theo quyết định của Bộ Chính trị, Quốc hội; các khu vực khác (như khu chế xuất, khu phi thuế quan, khu công nghệ cao,…) được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hoặc các khu vực (như kho ngoại quan) được thành lập theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

Luật có quy định ***chỉ áp dụng một lần*** các biện pháp quản lý ngoại thương hàng hóa đối với khu hải quan riêng, cụ thể:

- Áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa được đưa từ khu hải quan riêng ra lãnh thổ nước ngoài như đối với hàng hóa được đưa từ nội địa ra lãnh thổ nước ngoài.

- Hàng hóa đưa từ nước ngoài vào khu vực hải quan riêng không phải áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương, trừ biện pháp cấm, tạm ngừng nhập khẩu và các biện pháp kiểm dịch. Hàng hóa thuộc diện không áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương thì được miễn các thủ tục hành chính này, nhưng sẽ phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan ở cửa khẩu ra (cổng B) với nội địa. Như vậy là vừa đảm bảo quản lý chặt chẽ với hàng hóa nhập khẩu vào nội địa nhưng thông thoáng, giảm thiểu thủ tục hành chính đối với hàng hóa nhập khẩu vào khu.

- Áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa đưa từ khu hải quan riêng vào nội địa như đối với hàng hóa đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam. Không áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa đưa từ nội địa vào khu vực hải quan riêng.

- Không áp dụng các biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa mua bán, vận chuyển giữa các khu hải quan riêng trong lãnh thổ Việt Nam.

- Toàn bộ quá trình trên sẽ được thực hiện dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan Hải quan.

Ngoài ra, Luật quy định trong một số trường hợp cần thiết nhằm chống gian lận thương mại và chuyển tải bất hợp pháp, Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng hoặc không áp dụng một hoặc một số biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại các khu này.

Quy định như trên của Luật nhằm giải quyết các vướng mắc, bất cập sau:

*Một là*, để hàng hóa đưa từ nước ngoài nhập khẩu vào nội địa Việt Nam sau đó được đưa vào khu hải quan riêng, thương nhân đang phải thực hiện 02 lần thủ tục hành chính hoàn toàn giống nhau: (i) Thực hiện thủ tục nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam theo đó phải cung cấp tất cả các loại giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện... theo quản lý chuyên ngành; tuy nhiên, (ii) mặc dù đã thực hiện đầy đủ thủ tục và hàng hóa đó được đưa vào nội địa hợp pháp thì khi đưa vào khu hải quan riêng trên lãnh thổ Việt Nam thì hàng hóa này lại phải thực hiện một lần nữa các thủ tục đó do pháp luật hiện hành quy định “quan hệ giữa khu hải quan riêng và phần còn lại của Việt Nam là quan hệ xuất nhập khẩu”.

*Hai là*, hàng hóa đang được sản xuất, lưu thông hợp pháp trong nội địa Việt Nam (kể cả hàng cấm xuất khẩu, nhập khẩu - chỉ cấm xuất nhập khẩu nhưng không cấm kinh doanh) nhưng khi đưa vào khu hải quan riêng - cũng đang nằm trên lãnh thổ Việt Nam lại phải thực hiện đầy đủ điều kiện, giấy phép hoặc thậm chí không đưa vào khu này được do vướng chính sách quản lý xuất nhập khẩu theo quy định hiện hành (như đã dẫn ở trên).

*Ba là*, hàng hóa từ nước ngoài vào khu hải quan riêng để sản xuất, gia công xuất khẩu, tiêu dùng hiện được quản lý như đối với hàng hóa từ nước ngoài vào nội địa, nghĩa là thương nhân, doanh nghiệp đang phải thực hiện đầy đủ thủ tục hành chính, giấy phép, điều kiện... trước khi đưa hàng hóa vào được khu hải quan riêng. Quy định quản lý tại biên giới như vậy chưa tận dụng được lợi thế của các khu này nhất là các khu kinh tế cửa khẩu hoặc khu kinh tế biển nơi có cửa khẩu, cảng biển thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa là nguồn nguyên liệu cần thiết phục vụ sản xuất.

**3.2.3 Chương III - Các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch**

Chương này quy định các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch thực vật, động vật và kiểm tra y tế biên giới và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Cụ thể như sau:

***a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và kiểm dịch***

Luật này quy định mục tiêu áp dụng và kiểm tra hàng hóa đáp ứng yêu cầu của các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch.

Các quy định về các biện pháp kỹ thuật và kiểm dịch này đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rà soát, đánh giá trên cơ sở những mục tiêu, nguyên tắc như:

+ Xây dựng một hệ thống các biện pháp quản lý nhập khẩu hàng hóa phù hợp với cam kết quốc tế và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020;

+ Tạo điều kiện trợ giúp các nhà sản xuất trong nước từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa và từng bước mở rộng thị trường ngoài nước;

+ Góp phần ổn định kinh tế - xã hội đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống người lao động, đáp ứng nhu cầu hàng hóa của nền kinh tế và bảo vệ sản xuất trong nước không chỉ hướng tới những mục tiêu kinh tế và bảo vệ lợi ích của các nhà sản xuất, mà còn hướng tới những mục tiêu xã hội và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng trên thị trường nội địa.

Các mục tiêu, nguyên tắc này được cụ thể hóa tại các Quyết định 160/2008/QĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể và chính sách bảo hộ sản xuất công nghiệp trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế, quy định của WTO giai đoạn đến 2020, Quyết định 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 và mới đây nhất là Quyết định số 1233/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của về việc phê duyệt Đề án quản lý nhập khẩu đến năm 2020 phù hợp với cam kết quốc tế.

Với các mục tiêu, nguyên tắc trên, Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, ban hành các Luật như Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa (thay thế Pháp lệnh chất lượng hàng hóa), Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Đo lường, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật (thay thế Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật), Luật Thú y (thay thế Pháp lệnh Thú y), Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm, Luật An toàn thực phẩm (thay thế Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm)...

Cùng với các quy định của pháp luật nói trên, thực hiện mục tiêu hệ thống hóa, pháp điển hóa, minh bạch hóa các quy định của pháp luật, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, Luật này đã đóng góp, bổ sung thêm nguyên tắc tạo thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu, quản lý rủi ro trong thực hiện các biện pháp và kiểm tra chuyên ngành; phân định rõ các nhóm hàng hóa với việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch cụ thể, đảm bảo mức độ phù hợp, hài hòa giữa quản lý nhập khẩu, bảo vệ sản xuất trong nước và thúc đẩy xuất khẩu.

Kinh nghiệm quốc tế của các nước có Luật điều chỉnh hoạt động ngoại thương đều cho thấy có quy định các biện pháp này trong Luật (Trung Quốc, Mexico, Hàn quốc…) nhưng chủ yếu mang tính dẫn chiếu đến Luật chuyên ngành.

***b) Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu***

Luật quy định hoạt động kiểm tra chuyên ngành, trong đó quy định cụ thể đối tượng kiểm tra, cơ quan tiến hành kiểm tra và trách nhiệm của các cơ quan kiểm tra để thống nhất về cơ sở pháp lý, đối tượng, nguyên tắc, trách nhiệm của các Bộ, ngành trong thực hiện kiểm tra đối với hoạt động kiểm tra chuyên ngành đang được quy định rải rác tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau.

Do đó, quy định tại Luật được xây dựng nhằm luật hóa các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016; năm 2017, định hướng 2020 và Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

***3.2.4 Chương IV - Các biện pháp phòng vệ thương mại***

Nội dung của Chương này được pháp điển hóa, sửa đổi bổ sung các nội dung cơ bản của tại 03 Pháp lệnh đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành[[5]](#footnote-5) (được Tổ chức thương mại thế giới WTO thừa nhận trong 03 Hiệp định có liên quan) và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành trong đó quy định việc điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như nguyên tắc áp dụng, căn cứ áp dụng, nguyên tắc điều tra, tổ chức cơ quan điều tra, xử lý, tranh chấp liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại. Bên cạnh đó, Luật bổ sung thêm nội dung về lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu quản lý trên thực tiễn, đảm bảo hiệu quả thực thi của các biện pháp này.

Trong quá trình pháp điển hóa, với Chương IV Luật về các biện pháp phòng vệ thương mại gồm các Điều từ Điều 67 đến Điều 99, Chính phủ đã nghiên cứu để rút gọn các vấn đề có quy định tương tự nhau đồng thời đã bóc tách và đưa những nội dung mang tính nguyên tắc và quan trọng, cần phải quy định tại Luật, đáp ứng yêu cầu cô đọng, bao quát hơn so với 03 Pháp lệnh với tổng số là hơn 90 Điều.

Các nội dung điều tra, quy trình chi tiết, mang tính kỹ thuật sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ nhằm đảm bảo tính linh hoạt, chủ động trong điều hành, áp dụng các biện pháp này phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế.

**3.2.5. Chương V - Kiểm soát khẩn cấp trong hoạt động ngoại thương**

Các nội dung chính tại Chương này bao gồm quy định cụ thể một số trường hợp chính cần có sự can thiệp khẩn cấp đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa từ một hoặc một số đối tác thương mại xuất phát từ yếu tố khách quan (dịch bệnh đối với thực phẩm, giá hàng hóa cao do thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, độc quyền, sản phẩm không đảm bảo an toàn, tiêu chuẩn kỹ thuật đã bị cơ quan chức năng nước sở tại đình chỉ lưu thông…) hoặc chủ quan (mất cân bằng cán cân thanh toán nghiêm trọng, giảm phát hoặc lạm phát quá cao…).

Do việc ban hành các chính sách kiểm soát khẩn cấp có quan hệ mật thiết với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên nên việc áp dụng các biện pháp này cần phải thực hiện theo một số nguyên tắc như minh bạch, có cơ sở khoa học, không lạm dụng và trong những trường hợp thực sự cần thiết.

Cuối cùng, Chương này quy định nghĩa vụ tham vấn của các cơ quan ban hành biện pháp với các đối tác thương mại chịu tác động của các biện pháp này.

**3.2.6. Chương VI - Các biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương**

Chương này quy định về chính sách phát triển hoạt động ngoại thương như một trong những công cụ quản lý nhà nước quan trọng nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động ngoại thương theo cả hai chiều xuất khẩu và nhập khẩu. Theo đó, chính sách phát triển hoạt động ngoại thương bao gồm một số nội dung như:

*- Chính sách chung về phát triển ngoại thương bao gồm :*

+ Nhà nước có chính sách phát triển hoạt động ngoại thương thông qua các biện pháp như tín dụng, xúc tiến thương mại và các hoạt động hỗ trợ phát triển khác;

+ Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân kinh doanh trong nước và nước ngoài được tham gia các hoạt động xúc tiến ngoại thương;

+ Các biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương phải phù hợp với định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược ngoại thương trong từng thời kỳ;

+ Các biện pháp phát triển hoạt động ngoại thương được thực hiện hiệu quả, có sự phối hợp với các biện pháp thúc đẩy đầu tư, du lịch (Điều 104 Luật);

+ Xúc tiến thương mại nhằm thúc đẩy hoạt động ngoại thương gồm xây dựng, bảo vệ, phát triển, quảng bá thương hiệu, sản phẩm trong nước ra thị trường nước ngoài; thúc đẩy nhập khẩu có hiệu quả để phục vụ sản xuất trong nước hoặc gia công xuất khẩu; thiết lập và cung cấp hệ thống thông tin xúc tiến thương mại.

Luật cũng quy định một số chính sách đặc thù trong phát triển ngoại thương bao gồm:

(1) Chính sách phát triển hoạt động ngoại thương đối với sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà trong nước sản xuất được cũng như các sản phẩm công nghệ và nguyên liệu đầu vào cần thiết phục vụ sản xuất trong nước. (2) Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo, các vùng có điều kiện địa lý - kinh tế khó khăn tham gia hoạt động ngoại thương.

Luật cũng quy định biện pháp phát triển ngoại thương thông qua hoạt động xúc tiến thương mại của các cơ quan, tổ chức xúc tiến thương mại như:

- Hoạt động của các cơ quan, tổ chức xúc tiến thương mại do Nhà nước thành lập ở Trung ương và địa phương thực hiện các chính sách, biện pháp xúc tiến thương mại hỗ trợ tổ chức, thương nhân trong hoạt động ngoại thương;

- Hoạt động của các tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài;

- Hoạt động của các tổ chức xúc tiến thương mại của nước ngoài tại Việt Nam;

- Hoạt động của hệ thống tổ chức, cá nhân đại diện thương mại Việt Nam thuộc cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài;

- Xây dựng, thực hiện các chương trình, hoạt động cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, các hoạt động cấp quốc gia về xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, hàng hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhằm mục đích phát triển hoạt động ngoại thương phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ.

Để triển khai có hiệu quả các biện pháp phát triển ngoại thương tại thị trường nước ngoài, Luật cũng có quy định trách nhiệm, vị trí, vai trò của các tổ chức có chức năng thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại như hệ thống đại diện thương mại của Việt Nam tại nước ngoài (trước đây gọi tắt là Thương vụ) đã được thành lập tại 56 quốc gia, vùng lãnh thổ và đại diện cho lợi ích của Việt Nam tại 110 quốc gia và vùng lãnh thổ, là bộ phận trực thuộc cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài theo Luật Cơ quan đại diện năm 2009 nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế - thương mại của đất nước, doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp.

Cuối cùng, hoạt động xúc tiến thương mại là một trong số ít các biện pháp hỗ trợ cho cộng đồng doanh nghiệp được WTO cho phép nhằm tăng cường thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra nước ngoài. Chỉ tiêu tăng trưởng xuất khẩu đã được khẳng định với mức tăng hàng năm là 10% tại các văn kiện của Đảng, Quốc hội nhưng kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại không tăng, thậm chí giữ nguyên hoặc giảm. Do vậy, Luật đã quy định việc cấp, sử dụng, quản lý kinh phí này được quyết định phù hợp với pháp luật ngân sách nhà nước và chỉ tiêu tăng trưởng xuất khẩu do Quốc hội quyết nghị.

**3.2.7. Chương VII - Giải quyết tranh chấp**

Chương này quy định nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực ngoại thương có liên quan đến cơ quan của Chính phủ. Theo đó, nguyên tắc chung là các vụ việc có tranh chấp giữa doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp Nhà nước) phải được giải quyết theo thỏa thuận cũng của các bên cũng như theo quy định trong tố tụng dân sự. Chính phủ chỉ tham gia giải quyết tranh chấp trong trường hợp liên quan đến lợi ích quốc gia, trong quan hệ giữa Chính phủ với Chính phủ theo các quy định của pháp luật quốc tế.

Cụ thể, cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO và trong các Điều ước quốc tế về thương mại song phương, đa phương khác là *bắt buộc* đối với tất cả các quốc gia thành viên, theo đó mỗi thành viên có khiếu nại, tranh chấp với thành viên khác buộc phải đưa tranh chấp ra giải quyết bằng cơ chế này. Quốc gia thành viên bị khiếu nại không có cơ hội lựa chọn nào khác là chấp nhận tham gia giải quyết tranh chấp theo các thủ tục của cơ chế này.

Việt Nam đã là thành viên của WTO và của nhiều các FTA song phương và đa phương nên có thể sử dụng cơ chế này cho các tranh chấp thương mại có thể có với các thành viên khác. Hiện tại, việc xem xét cơ chế giải quyết tranh chấp này cùng với hệ thống án lệ phong phú có ý nghĩa thực tiễn to lớn không chỉ trong việc hiểu chính xác các quy định của hiệp định thương mại mà còn góp phần bảo vệ các lợi ích chính đáng của Việt Nam trong quá trình thực thi Hiệp định thương mại. Do vậy, Luật đã có những quy định hoàn toàn mới nêu rõ trình tự, thủ tục cũng như trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng phương án giải quyết tranh chấp quốc tế trong cả hai trường hợp, bao gồm việc Việt Nam bảo vệ lợi ích của mình khi bị các nước khởi kiện và việc Việt Nam chủ động khởi kiện các nước khi họ vi phạm những nghĩa vụ, cam kết gây xâm hại đến lợi ích của Việt Nam.

**3.2.8. Chương VIII - Điều khoản thi hành**

Chương này quy định về việc tổ chức thi hành và chuyển tiếp đối với hoạt động quản lý ngoại thương.

**IV. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản sau: khoản 5 Điều 5, các Điều 10, 28, 31, 32, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 53, 54, 67, 104, 105, 106, 110, 111 và dự kiến trên cơ sở các nội dung này, Chính phủ sẽ ban hành 05 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết.

Cụ thể như sau:

- Nghị định thứ nhất quy định chi tiết một số điều của Luật này bao gồm khoản 5 Điều 5, Điều 28, 31 và các Điều từ 38 đến 44, 110, 111.

Nghị định này sẽ quy định chi tiết các Danh mục hàng hóa thuộc diện cần quản lý nhà nước về ngoại thương bao gồm:

- Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;

- Danh mục hàng hóa thuộc diện cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;

 - Danh mục hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện;

- Danh mục hàng hóa thuộc diện chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu;

 - Danh mục hàng hóa thuộc diện cấp giấy phép lưu hành tự do (CFS)

 Các Danh mục hàng hóa phải kèm theo mã HS tương ứng theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

 - Nghị định thứ hai về biện pháp chứng nhận xuất xứ quy định chi tiết Điều 32 về xuất xứ hàng hóa.

 - Nghị định thứ ba về quản lý hoạt động thương mại biên giới quy định chi tiết Điều 53, 54.

 - Nghị định thứ tư quy định chi tiết Điều 67 về các biện pháp phòng vệ thương mại

 - Nghị định thứ năm quy định chi tiết các Điều 104, 105, 106 về các biện pháp phát triển ngoại thương.

 - Luật giao các Bộ xây dựng, ban hành theo thẩm quyền Thông tư quy định Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành. Danh mục hàng hóa phải kèm theo mã HS tương ứng theo Danh mục hoàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

 Bộ Công Thương đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành quản lý nhà nước tại địa phương có kế hoạch rà soát các quy định pháp luật có quy định chưa phù hợp với Luật này; tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật đến các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thức VI của Đảng Phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986-1990, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam [↑](#footnote-ref-1)
2. Đoạn 1 Phần IV Chiến lược kinh tế - xã hội từ 2011-2020 – Văn kiện Đại hội thứ XI của Đảng [↑](#footnote-ref-2)
3. Đoạn 4 Phần IV Chiến lược kinh tế - xã hội từ 2011-2020 – Văn kiện Đại hội thứ XI của Đảng [↑](#footnote-ref-3)
4. Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm [↑](#footnote-ref-4)
5. Pháp lệnh 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 11/06/2002 về tự về trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam

Pháp lệnh 20/2004//PL-UBTVQH11 ngày 29/04/2004 về việc chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập nhẩu vào Việt Nam

Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20/08/2004 về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam [↑](#footnote-ref-5)